TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2018/DS-PT
Ngày 21-9-2018
V/v tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng
Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng và ông Trịnh Việt Thanh
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình***: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 về "*tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Gia Viễn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M sinh năm 1943; địa chỉ: Số nhà MB, phố M, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn*: - Ông Nguyễn Đức V sinh năm 1940
- Bà Lê Thị M sinh năm 1940

Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà MN, phố M, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mỹ: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà T, phố M, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. (Bà M có mặt tại phiên tòa nhưng vì lý do sức khỏe nên bà M ủy quyền bằng miệng cho chị L tham gia tố tụng)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân thị trấn M; địa chỉ: Thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M là người đại diện theo pháp luật.

- Anh Nguyễn Thành Tr sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà H, ngõ M, đường Đ, phố Kh, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà B, phố Th, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 8, ngõ 124/76, đường A, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tr, chị H, chị H: Bà Lê Thị M; địa chỉ: Số nhà MB, phố M, thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 10 năm 2017).

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Đức V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1984 bà M và chồng là ông Nguyễn Thiện L (*ông L chết năm 2014; ông L và bà M có ba người con là anh Tr, chị H, chị H; bố đẻ ông L là ông Nguyễn Quang Th đã chết năm 1989, mẹ đẻ là bà Đinh Thị Tr đã chết năm 1986*), được Nhà nước giao 165m^2 đất ở có thu tiền. Đến ngày 21 tháng 12 năm 1994 được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị M, tại thửa số 161, tờ bản đồ số 2, diện tích 165m^2 đất ở; thửa đất có kích thước: phía Đông giáp đất nhà bà S dài 15m, phía Tây giáp đất nhà ông V dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT477 rộng 11m, phía Bắc rộng 11m. Đất của gia đình ông Nguyễn Đức V, bà Lê Thị M giáp với đất của bà M là thửa số 162, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m^2.

Quá trình sử dụng đất, năm 1985 gia đình bà M xây nhà nhưng vẫn để lại khoảng đất giáp ranh giữa nhà bà và nhà ông V có diện tích 13,5m^2 (KT 0,9m x 15m). Khi gia đình bà M làm sân, xây tường bao thì gia đình ông V giữ đất không cho xây. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu ông V, bà M phải trả lại cho bà M diện tích đất đã lấn chiếm của thửa số 161, tờ bản đồ số 2, tính từ giáp ranh móng đá nhà bà M trở vào đất của ông Vượng là 13,5m^2.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã xác định hiện tại gia đình bà M đang quản lý, sử dụng 10,6m chiều rộng (chiều ngang) của thửa đất 161, nên bà M đã thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà M yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà M phải trả lại cho gia đình bà diện tích đất đã lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích là 6m^2, kích thước phía Tây giáp đất nhà ông V dài 15m, phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT477 rộng 0,4m, phía Bắc rộng 0,4m, thuộc một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 2, tại phố M, thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Bà M đồng ý với kết quả đo đạc, định giá; đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản với tổng số tiền 2.000.000 đồng bà M yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà M phải hoàn trả cho bà.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Đức V, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Năm 1984 vợ chồng ông V, bà M được Nhà nước giao 150m^2 đất ở có thu tiền. Đến ngày 01 tháng 02 năm 2000 được UBND tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Đức V, tại thửa số 162, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m^2 đất ở, có kích thước: Phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Tây giáp đất nhà bà Ng dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 10m, phía Bắc rộng 10m.

Năm 2011, 2012 gia đình ông V đã nộp tiền cho UBND thị trấn M, theo thông báo năm 2011 là 16.975.000 đồng và năm 2012 là 1.813.000 đồng để được Nhà nước hợp lý hóa quyền sử dụng đất với diện tích là 92m^2 đất. (*Trong đó 15m^2 đất dãy 1, có kích thước: Phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Tây giáp thửa số 162 nhà ông V dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT477 rộng 01m, phía Bắc rộng 01m; còn lại 77m^2 đất dãy 2 thẳng phía Bắc sau thửa đất số 162 nhà ông V)*. Diện tích 92m^2 đất do có tranh chấp nên gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay, ông V, bà M đang sử dụng 11m chiều ngang, 15m chiều dài và 77m^2 đất dãy 2 thẳng phía Bắc sau thửa đất số 162 nhà ông V, tổng diện tích 242m^2. Tại vị trí diện tích 6m^2 đất đang tranh chấp gia đình ông V đã đổ đất thành nền như hiện nay và đã trồng 01 cây khế, 01 cây sấu trên phần đất này. Ông khẳng định phần đất nêu trên ông không lấn chiếm của nhà bà M. Vì vậy, ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc ông và bà M phải trả cho bà M 13,5m^2 đất tính từ giáp ranh móng đá trở vào đất của ông V hay 6m^2 đất có kích thước như bà M trình bày sau khi thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Ông V đồng ý với kết quả đo đạc, định giá; đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản tổng số tiền 2.000.000 đồng ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản số 66/UBND-ĐC ngày 21/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân thị trấn M có ý kiến:

Thực hiện Quyết định số 1343/QĐ-UBND, ngày 23/12/2011 của UBND huyện Gia Viễn về việc "*phê duyệt phương án xử lý 156 trường hợp lấn chiếm sử dụng đất giai đoạn từ năm 1994 – 2002 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thị trấn Me, huyện Gia Viễn*", UBND thị trấn M đã ra hai thông báo thu tiền và đã thu tiền của ông V bằng hai phiếu thu cụ thể: Ngày 26/12/2011 thu 16.975.000 đồng và ngày 05/12/2012 thu 1.813.000 đồng để hợp lý hóa quyền sử dụng đất với diện tích là 83m^2 cho ông V. Trong đó có 9m^2 đất dãy 1 có kích thước: Phía Đông giáp thửa đất số 162 nhà ông V dài 15m, phía

Tây giáp nhà bà Ng dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT477 rộng 0,6m, phía Bắc rộng 0,6m; còn lại 74m^2 đất dãy 2 ở phía Bắc sau thửa đất số 162 của gia đình ông V.

Đối với phiếu thu ngày 05/12/2012 số tiền 1.813.000 đồng là UBND thị trấn M đã thu thừa của ông V so với Quyết định 1343/QĐ-UBND, ngày 23/12/2011 của UBND huyện Gia Viễn. Hiện nay, UBND thị trấn M đang quản lý số tiền này và sẽ trả lại cho ông V nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản số 151/UBND-TNMT ngày 22/3/2018 Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn có ý kiến:

Trên cơ sở bản đồ địa chính PL2 thị trấn M đo đạc năm 1993, sổ mục kê quyển 1 trang 5, sổ mục kê quyển 2 trang 23 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C413779 ngày 21/12/1994 thì bà M được quyền sử dụng 165m^2 đất ở tại thửa 161, tờ bản đồ số 2, kích thước: Phía Bắc rộng 11m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 11m, phía Tây giáp hộ ông V dài 15m, phía Đông giáp hộ bà S dài 15m.

Theo bản đồ địa chính thị trấn M lập năm 1994 sổ mục kê quyển 1 trang 5, sổ mục kê quyển 2 trang 24 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/02/2000 thì ông V được quyền sử dụng 150m^2 đất ở, tại thửa 162, tờ bản đồ số 2, kích thước: Phía Bắc rộng 10m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 10m, phía Tây giáp hộ ông Ng (bà Ng) dài 15m, phía Đông giáp hộ bà M dài 15m.

Theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND huyện Gia Viễn về việc "*phê duyệt phương án xử lý 156 trường hợp lấn chiếm sử dụng đất giai đoạn từ năm 1994 – 2002 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thị trấn M, huyện Gia Viễn*", hộ ông V được xử lý 83m^2 đất trong đó, đất dãy 1 bám mặt đường 477 là 0,6m x chiều sâu 15m = 9m^2, dãy 2 phía sau nhà ông V có diện tích 74m^2.

Trong Biên bản hòa giải ngày 06/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm: Bà M và ông V cùng xác định, thống nhất tổng chiều rộng đất của hai nhà là 21,6m, nhà bà M đang sử dụng 10,6m, nhà ông V đang sử dụng 11m; diện tích đất hai gia đình tranh chấp là 6m^2, vị trí giáp ranh giữa hai nhà KT rộng 0,4m, dài 15m và chỉ giải quyết theo các chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND huyện Gia Viễn.

Tại Bản án số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn đã quyết định, xử:

Chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

1. Buộc ông Nguyễn Đức V, bà Lê Thị M phải trả lại cho bà Lê Thị M, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H 6m^2 đất; có tứ cận: Phía Tây giáp đất nhà ông V chiều dài 15m, phía Đông giáp đất nhà bà M chiều

dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 chiều dài 0,4m, phía Bắc chiều dài 0,4m thuộc một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 2, tại phố M, thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

2. Về chi phí đất vượt nền và 2 cây: Buộc bà Lê Thị M, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Nguyễn Đức V, bà Lê Thị M với tổng số tiền là 1.835.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Đức V, bà Lê Thị M phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị M với tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức V và bà Lê Thị M. Trả lại cho bà Lê Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2010/04081 ngày 25/10/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn về phần buộc vợ chồng ông phải trả lại cho gia đình bà M 6m^2 đất, ngày 14 tháng 5 năm 2018 ông Nguyễn Đức V kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm, không chấp nhận phần bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông phải trả cho gia đình bà M 6m^2 đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bà Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bà M nhất trí với nội dung kháng cáo của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức V, giữ nguyên Bản án số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn.

- Ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Đức V là bị đơn nên có quyền kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của ông V nộp đúng hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp

tiền tạm ứng án phí, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 của bà Lê Thị M là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và thu thập chứng cứ đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm trong bản án đúng quy định tại các Điều 11, 12, 14 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Đối với quyền sử dụng đất của gia đình bà M: Theo lời khai của bà M, ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn M, Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn và các tài liệu do bà M giao nộp, do Tòa án thu thập gồm trích lục sơ đồ địa chính thửa đất số 161, tờ bản đồ PL2 thị trấn M, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C413779 ngày 21/12/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp, đủ căn cứ xác định: Năm 1984 gia đình bà M được Nhà nước giao đất ở và đến năm 1994 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 165m^2 đất ở, tại thửa số 161, tờ bản đồ số 2, thị trấn M; thửa đất của gia đình bà M có kích thước: Phía Đông giáp đất nhà bà S dài 15m, phía Tây giáp đất nhà ông V dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 11m, phía Bắc rộng 11m. Gia đình bà M được quyền sử dụng 165m^2 đất ở, tại thửa số 161, tờ bản đồ số 2, thị trấn M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã xác định, thống nhất tổng chiều rộng đất của hai gia đình là 21,6m, gia đình bà M đang sử dụng 10,6m, gia đình ông V đang sử dụng 11m (chiều dài đất của hai nhà là 15m). Như vậy, diện tích đất gia đình bà M thực tế đang quản lý sử dụng so với đất được cấp thì gia đình bà M thiếu 6m^2, kích thước 0,4m x 15m.

[3.2] Đối với quyền sử dụng đất của gia đình ông V: Ông V xác định năm 1984 gia đình ông được Nhà nước giao đất ở và đến năm 2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 150m^2 đất ở, tại thửa số 162, tờ bản đồ số 2, kích thước phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Tây giáp đất nhà bà Ng (Ng) dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 10m, phía Bắc rộng 10m. Năm 2011, 2012 gia đình ông V đã nộp tiền cho UBND thị trấn M, để được hợp lý hóa quyền sử dụng 92m^2 đất; trong đó có 15m^2 đất dãy 1, kích thước: Phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Tây giáp thửa số 162 nhà ông V dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 01m, phía Bắc rộng 01m; còn lại 77m^2 đất phía Bắc sau thửa đất số 162 nhà ông V. Tổng diện tích đất tại thửa 162 của gia đình ông V là 165m^2.

Trên cơ sở giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp đứng tên ông Vượng, Văn bản số 151/UBND-TNMT ngày 22/3/2018 Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn, Văn bản

số 66/UBND-ĐC ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, đủ căn cứ xác định: Gia đình ông V được quyền sử dụng hợp pháp 150m^2 đất ở tại thửa số 162, tờ bản đồ số 2, thị trấn M, kích thước 10m x 15m; theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND huyện Gia Viễn, gia đình ông V đã nộp 16.975.000 đồng để hợp pháp hóa 83m^2 đất, trong đó: Đất dãy 1 bám mặt đường ĐT 477 là 0,6m x chiều sâu 15m = 9m^2, đất dãy 2 phía sau nhà ông V có diện tích 74m^2. Ủy ban nhân dân thị trấn M đã xác định ngày 30/11/2012 ra thông báo và thu thêm của ông V 1.813.000 đồng để hợp pháp hóa từ 83m^2 lên 92m^2 là thu thừa, Ủy ban sẽ trả lại tiền cho ông V. Ông V cho rằng Nhà nước đã hợp pháp hóa cho gia đình ông được quyền sử dụng 92m^2 đất, trong đó có 15m^2 đất ở dãy 1 là không có căn cứ và thực tế cho đến nay gia đình ông V chưa có giấy tờ sử dụng đất hợp pháp ngoài diện tích 150m^2 đất tại thửa số 162 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2000.

Như vậy, đối với đất dãy 1 bám mặt đường ĐT 477 gia đình ông V chỉ có quyền sử dụng 159m^2 (KT 10,6 x 15), trong đó: 150m^2 (KT 10 x 15) đất ở theo giấy chứng nhận cấp năm 2000 và 9m^2 (KT 0,6 x 15) đất đã nộp tiền để được hợp pháp hóa.

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã xác định, thống nhất tổng chiều rộng đất của hai gia đình là 21,6m, gia đình ông V đang sử dụng 11m (chiều dài đất của hai nhà là 15m). So sánh diện tích đất gia đình ông V thực tế đang quản lý sử dụng với đất được cấp và đất được hợp pháp hóa thì gia đình ông V thừa 6m^2, kích thước 0,4m x 15m. Ông V nhận phần đất thừa thuộc quyền sử dụng của gia đình mình là không có căn cứ, phần đất thừa mà hai gia đình đang có tranh chấp là phần đất của thửa 161, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà M.

[4] Trên cơ sở phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã quyết định buộc ông V, bà M phải trả lại cho gia đình bà M 6m^2, kích thước 0,4m x 15m là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 79, 73 Luật đất đai năm 1993; các Điều 100, 101, 166, 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự. Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức V là không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn.

[5] Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức V không được chấp nhận, nhưng vì ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 73, 79 của Luật đất đai năm 1993 và các Điều 100, 101, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện huyện Gia Viễn, xử:

1.1. Chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M:

1.2.1. Buộc ông Nguyễn Đức V và bà Lê Thị M phải trả lại cho bà Lê Thị M, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H 6m^2 đất (trên đất có cây Sấu và cây Khế); có kích thước: Phía Tây giáp đất nhà ông V dài 15m, phía Đông giáp đất nhà bà M dài 15m, phía Nam giáp lưu không đường ĐT 477 rộng 0,4m, phía Bắc rộng 0,4m thuộc một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 2, tại phố Mới, thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. (có sơ đồ kèm theo)

1.2.2. Về chi phí đất vượt nền và giá trị của cây Sấu và cây Khế: Buộc bà Lê Thị M, anh Nguyễn Thành Tr, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Nguyễn Đức V và bà Lê Thị M với tổng số tiền là 1.835.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

1.2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Đức V và bà Lê Thị M phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị M tổng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2.4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức V và bà Lê Thị M. Trả lại cho bà Lê Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn, theo biên lai số AA/2010/04081 ngày 25/10/2017.

2. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2018).

(*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Gia Viễn;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- Phòng NV-KT-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng